

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HS-ST

Ngày 27 – 10 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hà và ông Châu Trung Trực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với:

- Bị cáo: Lương Văn T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKNKTT: Ấp NTB, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp NTB, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Con ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 09 tháng 3 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội “cướp giật tài sản”; chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/7/2010.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp vào ngày 19/7/2017, tạm giữ đến ngày 24/7/2017 chuyển tạm giam cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Hoàng Út là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp BG, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2017, Lương Văn T đi xe ôm đến nhà ông Nguyễn Văn Th - ở ấp Bào Giá, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (T gọi ông Th bằng cha nuôi) chơi. Khi đến, T phát hiện nhà chị Nguyễn Thị S (con ông Th – nhà gần đó) đóng cửa không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định vào nhà lấy trộm tài sản. T đi vòng vào nhà sau thấy không đóng cửa thì đi đến tủ nhôm đựng quần áo rồi dùng cây kéo lấy tại nhà chị S cạy cánh cửa xước ra. T lục đồ trong tủ thì phát hiện 01 cái bóp nữ màu xanh bên trong có 01 chiếc kiềng đeo cổ; 02 nhẫn và 01 mặt sợi dây chuyền đều là vàng 18k với tổng trọng lượng là 7,2 chỉ. T đem số vàng đã trộm đến tiệm vàng “Tới” tại khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bán được 11.886.000 đồng rồi thuê xe ôm đi về nhà trọ thuộc khóm 3, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Số tiền bán vàng, T sử dụng trả tiền xe ôm, trả cho anh Hoàng (chưa xác định được cụ thể) 8.000.000 đồng mượn trước đó phần còn lại đã chi sài hết.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại Kết luận giám định số: 12/KL-ĐG ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi (bút lục số 30) kết luận:

- 01 chiếc kiềng đeo cổ vàng 18k trọng lượng 2,2 chỉ + tiền công giá trị là 5.040.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ + tiền công giá trị là 4.600.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng 18k trọng lượng 1,3 chỉ + tiền công giá trị là 3.060.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,7 chỉ + tiền công giá trị là 3.940.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trộm là 16.640.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận về định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi.

Tang vật thu giữ từ tiệm vàng “Tới” gồm: 01 chiếc kiềng đeo cổ vàng 18k trọng lượng 2,2 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 1,3 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,7 chỉ; tổng cộng là 7,2 chỉ vàng 18k đã giao trả lại cho chị S quản lý.

Bản Cáo trạng số: 25/KSĐT-KT ngày 04 – 10 – 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau đã truy tố Lương Văn T về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Chị Nguyễn Thị S yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 11.886.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, thể hiện vào 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2017 bị cáo vào nhà chị Nguyễn Thị S - ở ấp Bào Giá, xã Trần Phán lấy trộm 01 chiếc kiềng đeo cổ vàng 18k trọng lượng 2,2 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 1,3 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,7 chỉ của chị S có tổng giá trị theo định giá là 16.640.000 đồng nên hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố Lương Văn T về tội trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản chị S bị mất đã nhận lại xong và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Buộc bị cáo hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền bán tài sản trộm là 11.886.000 đồng.

Đối với cây kéo bị cáo dùng để cạy cánh cửa tủ là tài sản của chị Sương đã giao trả lại cho chị S nên không đặt ra xem xét.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T thống nhất với tội danh, điều luật như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Nhưng bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét đó là bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc hộ nghèo, là lao động chính và không tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Vào 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2017, khi bị cáo đi đến nhà ông Nguyễn Văn Th - ở ấp Bào Giá, xã Trần Phán, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau chơi thì thấy nhà chị Nguyễn Thị S (ở gần nhà ông Th) đóng cửa và không có ai ở nhà nên bị cáo đi vào dùng kéo cạy cửa tủ lấy trộm 01 chiếc kiềng đeo cổ trọng lượng 2,2 chỉ vàng 18k; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 18k; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 1,3 chỉ vàng 18k và 01 mặt dây chuyền vàng trọng lượng 1,7 chỉ 18k. Tổng số tài sản bị cáo lấy trộm của chị Sương là 7,2 chỉ vàng 18k có giá trị theo định giá là 16.640.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo lợi dụng lúc gia đình chị S đi vắng nên đã đi vào nhà lấy của chị S tổng số 7,2 chỉ vàng 18k để bán lấy tiền trả nợ cho người khác và chi sài cá nhân. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Song, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tránh nhiệm dân sự:

Đối với tài sản chị S bị mất đã được thu hồi, giao trả lại và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T số tiền là 11.886.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận trả số tiền trên giữa bị cáo với anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về vật chứng: Đối với cây kéo, bị cáo dùng cạy cửa tủ là tài sản thuộc sở hữu của chị S, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị S xong nên không đặt ra việc xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T mua vàng của bị cáo nhưng không biết bị cáo trộm cắp mà có nên không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

Đối với người tên Hoàng và người thanh niên chạy xe ôm chở bị cáo nhưng không xác định được lai lịch, nhân thân nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Đối với án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và có yêu cầu Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt khẩn cấp (ngày 19/7/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo T hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 11.886.000 đồng (mười một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn